



cháng

嘗

taste

Common Words

pǐn cháng

品尝

taste; sample

cháng chang

尝 尝

to taste; to try (food)

cháng shì

尝试

trial; attempt

Trace each stroke, then write the character on your own.

尝	尝	尝	尝	尝	尝	尝	尝	尝	尝
尝									